

KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ: BẢN THÂN

(Thời gian TH: 4 tuần: từ ngày 06/10/2025 đến 31/10/2025)

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Hoạt động giáo dục	Điều chỉnh bổ sung
T	T			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
a. Phát triển vận động				
1	- Trẻ biết thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu) - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân + Nhún chân + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối. - Tập luyện để cơ thể khỏe mạnh và con người có được trạng thái thoải mái về thể chất và tinh thần.	* Hoạt động học: - Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao ra phía trước, sang 2 bên + Tay co và duỗi tay - Lưng, bụng, lườn: + Nghiêng người sang trái, sang phải. + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. - Chân: + Bật tại chỗ. + Nhún chân.	

4	- Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: + Trẻ biết tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). + Trẻ biết ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). + Trẻ tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp	- Tung, ném, bắt: - VĐCB: Tung bắt bóng với người đối diện.	* Hoạt động học: - VĐCB: Tung bắt bóng với người đối diện + TCVĐ: Kéo co	
5	- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Trẻ chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây + Trẻ ném trúng đích ngang (xa 2 m). + Trẻ bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	- Bò, trườn, chèo: + Bò dích dắc qua 5 điểm + Bật liên tục về phía trước + Bật qua vật cản 10-15 cm.	* Hoạt động học: - VĐCB: + Bò dích dắc qua 5 điểm. (5E) + TCVĐ: Mèo đuổi chuột. * Hoạt động học: - VĐCB: Bật liên tục về phía trước. (5E) + TCVĐ: Ném bóng vào rổ. * Hoạt động học: - VĐCB: Bật qua vật cản 10- 15 cm. + TCVĐ: Chuyển bóng.	
<i>b, Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</i>				
10	- Biết ăn đồ ăn cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì). - <i>Nhu cầu của bản</i>	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân: Dạy trẻ mời ăn trước khi ăn cơm.	

		<i>thân và sử dụng đồ dùng, nguyên liệu, thực phẩm vừa đủ, tránh lãng phí</i> - <i>Chấp nhận đặc điểm bên ngoài của cơ thể bản thân và người khác.</i>		
11	- Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: + Trẻ tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng. + Trẻ tự thay quần, áo khi bị ướt, bị bẩn.	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân: Dạy trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định, bỏ rác đúng nơi quy định.	
12	+ Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.			
13	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: + Trẻ biết mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. + Trẻ chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... + Trẻ không uống nước lã.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Trẻ biết ăn các loại hoa quả, nhất là các loại hoa quả có hàm lượng VTM cao để tăng sức đề kháng cho cơ thể. - <i>Thực hiện hành vi văn hóa, vệ sinh trong ăn uống. Trẻ học cách ăn uống lành mạnh và quy tắc, hành vi lịch sự khi ăn uống</i>	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân: Dạy trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định, bỏ rác đúng nơi quy định.	

14	- Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: + Trẻ không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... + Trẻ không ăn thức ăn có mùi ôi: không ăn lá, quả lạ.....không uống rượu, bia, cà phê: không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. + Trẻ không ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.			
15	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Trẻ biết vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép, giày khi đi học. + Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... + Trẻ biết vệ sinh đúng nơi quy định. + Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. - <i>Được chăm sóc an toàn cả về thể chất và tinh thần</i> -> <i>quyền của trẻ em đối với nhu cầu được chăm sóc, chẳng hạn như ăn, ngủ và nuôi dưỡng.</i>	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân: Dạy trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định, bỏ rác đúng nơi quy định.	

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức				
a. Khám phá khoa học				
20	- Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như: Kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - <i>Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.</i> + Sự khác nhau giữa ngày và đêm.	* Hoạt động học: - Làm quen với 4 nhóm thực phẩm. - Tìm hiểu về một số bộ phận trên cơ thể.	
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán				
38	- Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước-phía sau; phía trên-phía dưới ; phía phải-phía trái)	* Hoạt động học: - Nhận biết phía phải, phía trái, phía trước, phía sau của bản thân.	
c. Khám phá xã hội				
40	- Trẻ biết nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. - <i>Sự giống và khác nhau giữa mọi người về đặc điểm về hình dáng bên ngoài, sở thích, tính cách.</i> - <i>Tất cả mọi người (dù họ là ai, giới tính là gì, có sở thích, khả năng như thế nào) đều cần được yêu thương, chăm sóc, bảo vệ và giúp đỡ.</i> - <i>Tìm hiểu để nhận ra một số cách ứng</i>	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân: - Dạy trẻ trong giờ ngủ: Biết ngủ đúng khu phân cho bạn gái, bạn trai riêng biệt.	

		<i>xử không công bằng với bạn trai và bạn gái</i> <i>Khám phá các đặc điểm giống và khác nhau của bạn trai và bạn gái, các khả năng, nhu cầu giống nhau của bạn trai – bạn gái.</i> <i>- Tìm hiểu về các bộ phận trên cơ thể; biết được đâu là chỗ/khu vực (vùng riêng tư) mà không ai được phép xâm phạm</i>		
47	- Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội .	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.	* Hoạt động học: - Trò chuyện về ngày tết trung thu.	
48	- Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.			
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
<i>a. Nghe hiểu lời nói</i>				
49	- Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, VD: "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng".	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm tính chất công dụng và các từ biểu cảm.	* Hoạt động chơi: - Hoạt động góc.	
52	- Trẻ nói rõ để người nghe có thể	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.	- Hoạt động chơi: - Chơi ở các góc, hoạt	

	hiếu được.	- Trẻ sử dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp bằng lời nói để xây dựng mối quan hệ với giáo viên và người lớn; - Bất cứ khi nào có thể, trẻ em cũng được tạo cơ hội để sử dụng và học (các) tiếng mẹ đẻ của chính mình. Nhà trường, GV có trách nhiệm chính trong việc phối hợp với gia đình để bảo tồn và phát triển (các) ngôn ngữ mẹ đẻ và văn hóa của trẻ.	động ngoài trời...	
55	- Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ ca dao tục ngữ, hò vè .	* Hoạt động học: - Thơ: +Tâm sự của cái mũi. (5E) + Tay ngoan. + Bé ỏi.	
56	- Trẻ kể lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại câu chuyện đã được nghe.	* Hoạt động học: - Truyện: Gấu con bị đau răng.	
57	- Trẻ kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.		
b. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày				
64	- Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống(nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: Đường cho người đi bộ...). - Tôn trọng cách	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân: Dạy trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định, bỏ rác đúng nơi quy định.	

		<i>truyền đạt ý tưởng và thông tin bằng nhiều cách khác nhau như: vẽ, đánh dấu, ký hiệu, ảnh, video, công cụ kỹ thuật số và viết với cách viết thông thường hoặc theo cách của mình.</i>		
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội				
a. Phát triển tình cảm				
66	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính. - <i>Học cách tôn trọng sự khác biệt về đặc điểm cơ thể, hình dáng bên ngoài của bản thân và của người khác, kể cả người khuyết tật, người khác màu da, tóc, mắt.</i>	* Hoạt động chơi: Tổ chức chơi ở góc phân vai.	
67	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân. - <i>Bày tỏ được ý kiến về nhu cầu, mong muốn, điểm mạnh, sở thích của bản thân hoặc của người khác gần gũi với trẻ- liên quan tới</i>	* Hoạt động góc: - Góc XD: Xây nhà của bé, xây vườn hoa, xây vườn ăn quả, xây hàng rào nhà bé. - Góc PV: Bán hàng, gia đình, nấu ăn, cho em ăn - Góc học tập: Xem tranh ảnh về chủ đề - Góc ÂN: Hát các bài hát liên quan đến chủ	
68	- Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.			

69	- Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	<i>quyền tham gia của trẻ.</i>	đề. - Góc TH: Tô màu bạn trai, bạn gái, nặn theo ý thích.	
71	- Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ giọng nói; trò chơi, hát; vận động; vẽ, nặn, xếp hình.	* Trò chơi mới: - Tìm bạn. - Nhận đúng tên mình - Tìm đúng nhà - Bé có số nào.	
b. Phát triển kỹ năng xã hội				
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ				
79	- Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật....)	- Quan tâm, giúp đỡ bạn. - <i>Học cách thảo luận, thương lượng và giải quyết xung đột/mâu thuẫn với người khác một cách lịch sự dựa trên sự tôn trọng.</i> - <i>Cởi mở, tôn trọng, đoàn kết và trách nhiệm.</i> - <i>Cách thể hiện trách nhiệm của bản thân qua các hoạt động và cách làm việc trong nhóm.</i>	*Hoạt động góc: - Góc phân vai, góc xây dựng	
87	- Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ....	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Nghe và nhận ra các loại nhạc khác	* Hoạt động học: - DH: Cái mũi; Rửa mặt như mèo. - VĐTN: Tập	
88	- Trẻ biết vận động nhịp			

	nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. - <i>Biết cách sử dụng các phương tiện nghệ thuật và công cụ khác nhau để thể hiện ý tưởng, cảm xúc của bản thân và giao tiếp với người khác và môi trường xung quanh.</i>	đếm. Rước đèn dưới ánh trăng. - NH: Khúc hát ru của người mẹ trẻ; Đường và chân; Ru em. Ánh trăng hòa bình. - TCÂN: Tai ai tinh; Bao nhiêu bạn hát. Ai đoán giỏi. Ai nhanh nhất.	
89	- Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm. - Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành các bức tranh có màu sắc và bố cục. - Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong...và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục. - Làm lồm, dỗi bẹt, bẻ lẹo, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. - Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau. - Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét. - <i>Trẻ em có cơ hội “thử nghiệm” nhiều hoạt động thẩm mỹ nhất có thể đối với lứa tuổi</i>	* Hoạt động học: - In hình bàn tay. - Nặn rau, củ, quả - Xé dán quả cam. - Dự án: Làm đèn lồng. (Steam)	

		<i>của mình và các em phải được thường xuyên chọn hoạt động thẩm mỹ mà các em yêu thích nhất.</i> Thực hiện dự án steam: làm đèn lồng.		
92	- Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Mỗi trẻ đều được khuyến khích để tạo ra các sản phẩm tạo hình, âm nhạc, nghệ thuật theo khả năng và sự sáng tạo của bản thân, như là một cách để thể hiện bản thân mỗi đứa trẻ.	* Hoạt động chơi: Tổ chức chơi ở góc tạo hình.	
93	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình.		

I. CHUẨN BỊ

- Bóng, vạch chuẩn, túi cát, phách tre, xắc xô, tranh ảnh về chủ đề có bạn trai bạn gái, tranh chuyện, tranh thơ, vở tập tạo hình, bút chì, bút sáp màu, đất nặn, hồ dán và một số đồ dùng đồ chơi của lớp

II. MỞ CHỦ ĐỀ

- Cô cùng trẻ chuẩn bị và treo những bức tranh to "Bé trai, bé gái" "Tranh vẽ các bộ phận trên cơ thể", cho trẻ quan sát, chú ý đến sự thay đổi trang trí trên tường (liên quan đến chủ đề), trò chuyện với trẻ về tên chủ đề.
- Trò chuyện về bản thân trẻ (tên, tuổi, giới tính, sở thích..)

- Trò chuyện khuyến khích trẻ đưa câu hỏi và tự đưa ra câu trả lời: VD Bạn tên là gì ? Bạn bao nhiêu tuổi ?
- Cho trẻ hát bài "cái mũi, bạn ở đâu, Rửa mặt như mèo"
- Thơ: đôi mắt, Đau.

III. KHÁM PHÁ CHỦ ĐỀ.

CHUYÊN MÔN DUYỆT

Trần Thị Tâm